TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2019/HS-ST
Ngày 29/01/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười

2. Bà Đỗ Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 07/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn C, sinh ngày 15/3/1984** tại xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm T, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 0.

Bố đẻ: Trần Văn N – đã chết; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N – đã chết. Có vợ: Đã ly hôn và có 02 con.

Tiền án:

- Tại bản án số 03/2013/HSST ngày 23/01/2013 của Tòa án nhân dân thị xã S xử phạt Trần Văn C 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Tại bản án số 13/2013/HSST ngày 13/3/2013 của Tòa án nhân dân thị xã S xử phạt Trần Văn C 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp hình phạt là 30 tháng tù.

- Tại bản án số 68/2013/HSST ngày 28/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt Trần Văn C 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" Tổng hợp bản án C phải chấp hành hình phạt tù là 48 tháng tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện P xét xử về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 trong vụ án khác – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 03/01/1990** tại xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Xóm X, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn T – sinh năm 1958; Mẹ đẻ: Trần Thị L- sinh năm 1960. Có vợ là La Thị L – sinh năm 1993 và có 03 con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 138/HSST ngày 06/11/2009 của TAND huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn Đ 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Ngày 10/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện P xét xử về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 trong vụ án khác – Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Tăng Thị H – sinh năm 1973.
Trú tại: Xóm V, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 11/8/2018 Trần Văn C gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Đ đồng ý và hẹn C đến nhà Đ để đón Đ. C đi xe máy Airblade (Là xe máy C và Đ trộm cắp trong vụ án khác) đến đón Đ. Khi đi Đ đem theo 01 vam phá khóa hình chữ T để làm dụng cụ phá khóa xe. C chở Đ theo đường tỉnh lộ 261 từ Phổ Yên đi Đ. Đến khu vực Xóm 4, thị trấn Q phát

hiện bên lề đường có 03 chiếc xe máy dựng tại đó không có người trông coi nên Đ bảo C dừng lại để Đ trộm cắp. Đ lấy khẩu trang bịt mặt và đi đến chỗ dựng xe để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đến nơi dựng xe Đ đã dùng vam phá khóa mở khóa chiếc xe hiệu honda BKS 20F1-259.13 rồi điều khiển xe đến chỗ C đứng đợi. Sau đó cả hai điều khiển xe về nhà C cất giấu. Sau đó C và Đ lại tiếp tục điều khiển xe Airblade đi trộm cắp tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên thì bị phát hiện và bắt giữ.

Chủ sở hữu chiếc xe honda BKS 20F1-259.13 là chị Tăng Thị H, trú tại xóm Vụ Tây, xã Q sau khi phát hiện bị mất xe đã làm đơn trình báo Công an thị trấn Q. Công an thị trấn Q đã lập biên bản sự việc và chuyển cơ quan CSĐT Công an huyện Đ giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tiến hành trưng cầu định giá số tài sản mà C và Đ đã trộm cắp. Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 80 ngày 04/10/2018 kết luận: chiếc xe máy BKS 20F1-259.13 có giá trị là 9.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 06/ CT-VKSĐT ngày 05/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Văn C, Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 (Điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo C) của BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn C mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Nguyễn Văn Đ mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù và chịu án phí theo quy định.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

{1}. Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2}Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo C khai: Khoảng 7 giờ ngày 11/8/2018 Nguyễn Văn Đ gọi điện thoại cho bị cáo đón Đ tại ngã ba phố Nỉ. Bị cáo đi xe máy Airblade (Là xe máy bị cáo và Đ trộm cắp trong vụ án khác) đến đón Đ. Sau đó Đ bảo bị cáo quay lại Phổ Yên. Đến ngã ba Ba Hàng Đ bảo bị cáo đi theo tỉnh lộ 261. Bị cáo chở Đ theo đường tỉnh lộ 261 từ Phổ Yên đi Đ. Đến khu vực Xóm 4, thị trấn Q phát

hiện bên lề đường có 03 chiếc xe máy dựng tại đó không có người trông coi nên Đ bảo bị cáo dừng lại để Đ trộm cắp. Đ lấy khẩu trang bịt mặt và đi đến chỗ dựng xe để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đến nơi dựng xe Đ đã dùng vam phá khóa mở khóa chiếc xe hiệu Honda BKS 20F1-259.13 rồi điều khiển xe đến chỗ bị cáo đứng đợi. Sau đó cả hai điều khiển xe về nhà bị cáo cất giấu để tìm nơi tiêu thụ.

Bị cáo Đ khai: Khoảng 7 giờ ngày 12/8/2018 Trần Văn C gọi điện thoại cho bị cáo rủ nhau đi trộm cắp tài sản. bị cáo đồng ý và hẹn C đến nhà để đón bị cáo. C đi xe máy Airblade (Là xe máy C và Đ trộm cắp trong vụ án khác) đến đón Đ. Khi đi bị cáo đem theo 01 vam phá khóa hình chữ T để làm dụng cụ phá khóa xe. C chở bị cáo theo đường tỉnh lộ 261 từ Phổ Yên đi Đ. Đến khu vực Xóm 4, thị trấn Q phát hiện bên lề đường có 03 chiếc xe máy dựng tại đó không có người trông coi nên bị cáo bảo C dừng lại. Bị cáo đi đến chỗ dựng xe để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đến nơi dựng xe bị cáo đã dùng vam phá khóa mở khóa chiếc xe hiệu honda BKS 20F1-259.13 rồi điều khiển xe về nhà C cất giấu để tìm nơi tiêu thụ.

- Lời khai của bị hại: Sáng ngày 11/8/2018 tôi đi hái chè bằng phương tiện xe máy tại khu vực nhà máy chè Q. Tôi dựng xe ở lề đường và đi hái chè cách chỗ dựng xe khoảng 15m. Đến khoảng 10 giờ 30 phút thì mọi người rủ nhau đi về. Khi ra đến chỗ dựng xe thì phát hiện bị mất xe. Tôi đã làm đơn trình báo Công an thị trấn Q. Nay cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã thu hồi chiếc xe và trả lại cho tôi. Phần dân sự tôi không yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy Đ của pháp luật.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá, lời khai người làm chứng. Như vậy hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe máy trị giá 9.500.000 đồng của Trần Văn C và Nguyễn Văn Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" phạm vào khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại Điều 173 của BLHS quy Đ:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồngnhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà Điều luật quy Đ.

{3} Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của các bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là chị Tăng Thị H. Hành vi đó còn làm mất trật tự an toàn xã hội.

{4} Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo C là người khởi xướng việc trộm cắp. Bị cáo Đ là người thực hành tích cực. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm ngang nhau.

{5} Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng đó là "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Đều đã bị Tòa án xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Đây là tình tiết nhân thân khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

{6} Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân cửa bị cáo thì cần xử bị cáo C mức án từ 24 đến 30 tháng tù, bị cáo Đ mức án từ 18 đến 24 tháng tù là phù hợp. Đối với hình phạt của bản án số 02/2019/HS-ST ngày 10/01/2019 của TAND huyện P, tỉnh Thái Nguyên chưa có hiệu lực pháp luật nên sẽ tổng hợp sau.

{7} Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H tài sản bị trộm cắp, nay chị H không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{8} Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy Đ sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Trần Văn C, Nguyễn Văn Đ phạm tội; "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 ; Điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. (Điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo C).

Xử phạt:

1. Trần Văn C: 24 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

2. Nguyễn Văn Đ: 18 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo C, bị cáo Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đ (3b);
- VKSND huyện Đ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. Đ (1b);
- THAHS (04b);
- Bị cáo (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

LƯƠNG ĐỨC LONG